

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT THU HỒI

**Dự án: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp mở rộng tuyến
đường ĐT.769 huyện Thống Nhất và Long Thành đoạn qua địa bàn xã Bình An, thành phố Đồng Nai**

(Kèm theo Tờ trình số 220/TTr-PKT ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Phòng Kinh tế)

STT	Tên người sử dụng/quản lý đất	Địa chỉ	Số tờ (cũ)	Số tờ (mới)	Số thửa	Diện tích (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất thu hồi	Ghi chú
1	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	1	31	34	253.647,6	19,4	253.628,2	CLN	
2	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	1	31	6003	5.795,6	66,1	5.729,5	CLN	
3	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	2	32	35	35.240,7	177,6	35.063,1	CLN	
4	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	3	33	24	171.283,0	18.757,3	152.525,7	CLN	
5	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	3	33	25	125.128,0	1.560,0	123.568,0	CLN	
6	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	3	33	31	34.842,5	332,7	34.509,8	CLN	
7	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	3	33	32	98.550,0	15.304,2	83.245,8	CLN	
8	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	3	33	33	65.662,0	8,4	65.653,6	CLN	
9	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	3	33	35	159.002,0	11.126,4	147.875,6	CLN	
10	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	3	33	36	143.779,9	13.977,9	129.802,0	CLN	
11	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	3	33	39	126.415,4	5.739,3	120.676,1	CLN	

STT	Tên người sử dụng/quản lý đất	Địa chỉ	Số tờ (cũ)	Số tờ (mới)	Số thửa	Diện tích (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất thu hồi	Ghi chú
12	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	3	33	40	127.652,9	14.663,4	112.989,5	CLN	
13	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	3	33	46	30.177,4	341,1	29.836,3	CLN	
14	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	3	33	50	127.143,6	8.087,6	119.056,0	CLN	
15	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	3	33	51	6.172,8	819,7	5.353,1	CLN	
16	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	3	33	52	125.196,4	14.095,0	111.101,4	CLN	
17	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	4	34	3	116.804,3	4.684,9	112.119,4	CLN	
18	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	4	34	4	3.751,1	1.531,1	2.220,0	CLN	
19	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	4	34	9	12.600,8	487,5	12.113,3	CLN	
20	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	4	34	10	52.980,8	7.170,7	45.810,1	CLN	
21	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	4	34	11	181.564,8	3.670,4	177.894,4	CLN	
22	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	4	34	17	219,0	133,1	85,9	CLN	
23	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	4	34	19	89.993,0	13.886,9	76.106,1	CLN	
24	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	4	34	29	127.672,3	867,9	126.804,4	CLN	
25	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	4	34	30	123.969,7	17.706,1	106.263,6	CLN	

STT	Tên người sử dụng/quản lý đất	Địa chỉ	Số tờ (cũ)	Số tờ (mới)	Số thửa	Diện tích (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất thu hồi	Ghi chú
26	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	4	34	32	5.978,6	475,1	5.503,5	CLN	
27	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	4	34	33	72.947,0	8.093,2	64.853,8	CLN	
28	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	4	34	34	247.015,3	9.795,0	237.220,3	CLN	
29	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	4	34	45	16.240,6	362,6	15.878,0	CLN	
30	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty cao su Đồng Nai	Số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	28	58	9	499,5	496,5	3,0	CLN	
Tổng						2.687.926,6	174.437,1	2.513.489,5		